

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999.

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Tuấn V, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Tuấn V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 21/11/2017.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông V thường xuyên chơi đá gà, không lo làm ăn chăm sóc vợ con. Từ đầu năm 2021 đến nay, bà T và ông V đã không còn chung sống với nhau. Bà T hiện đang sống chung với cha mẹ ruột tại phường P, thành phố T, ông V thì sống cùng cha mẹ ruột tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Bùi Tuấn V.

Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015, Bùi Tuấn K, sinh ngày 15/5/2017 và Bùi Thị Bảo Y, sinh ngày 26/7/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/01 con. Hiện nay 03 con đang sống chung với bà T tại phường P, thành phố T. Bà T hiện làm rẫy cùng gia đình, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng và có sự hỗ trợ của ông bà ngoại nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông V hiện chỉ lo chơi cờ, đá gà, không có công việc và thu nhập ổn định nên không đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi Tuấn V nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Tuấn V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Tuấn V và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Bùi Tuấn V đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn

cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Bùi Tuấn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/11/2017, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Tuấn V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, bà T xác định giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông V thường xuyên chơi đá gà, không lo làm ăn chăm sóc vợ con. Từ đầu năm 2021 đến nay, bà T và ông V đã không còn chung sống với nhau. Bà T hiện đang sống chung với cha mẹ ruột tại phường P, thành phố T, ông V thì sống cùng cha mẹ ruột tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông V nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông V vắng mặt, điều này chứng tỏ ông V cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Tuấn V có 03 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015, Bùi Tuấn K, sinh ngày 15/5/2017 và Bùi Thị Bảo Y, sinh ngày 26/7/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung. Xét thấy, ba con chung hiện đang ở chung với bà T, cháu Anh cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ, cháu Khải và cháu Yến hiện còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Bà T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Ông V cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/01 con. Ông V cũng không có ý kiến phản đối. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, vì vậy, với tình hình kinh tế xã hội, mức sống hiện nay việc bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/01 con là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ông Bùi Tuấn V phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Bùi Tuấn V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Bùi Tuấn V.

1.2. Về con chung: Giao 03 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015, Bùi Tuấn K, sinh ngày 15/5/2017 và Bùi Thị Bảo Y, sinh ngày 26/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Tuấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015, Bùi Tuấn K, sinh ngày 15/5/2017 và Bùi Thị Bảo Y, sinh ngày 26/7/2020 số tiền 1.500.000 đồng/tháng/01 con. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày xét xử (03/8/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Tuấn V phải chịu số tiền 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0007591 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- UBND phường T, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung